

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP GỖ THANH CHƯƠNG
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG THANH CHƯƠNG 2



QTQLN 04: QUY TRÌNH
GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Nghệ An, 10/2024

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP GỖ THANH CHUÔNG
NHÓM CCR THANH CHUÔNG 2

QTQLN 04: QUY TRÌNH GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Quy trình này quy định/hướng dẫn Nhóm thực hiện công tác giám sát và đánh giá hệ thống quản lý của Nhóm, bao gồm 03 hoạt động chính: **GIÁM SÁT THƯỜNG XUYỀN; PHÂN TÍCH, BÁO CÁO, CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ.**

Các yêu cầu thực hiện cho mỗi hoạt động theo quy trình như sau:

I. GIÁM SÁT THƯỜNG XUYỀN

1. Nội dung giám sát

Giám sát các hoạt động của Kế hoạch quản lý rừng; Các tác động và các thay đổi môi trường của hoạt động quản lý; Các tác động xã hội của hoạt động quản lý theo các quy định/quy trình của hệ thống quản rừng/quản lý nhóm đã ban hành.

2. Tần suất giám sát

Thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục với bất cứ khi nào có hoạt động/sự việc nào diễn ra trên lô rừng của thành viên tham gia nhóm chứng chỉ rừng FSC.

3. Đối tượng giám sát

- Các lô rừng có hoạt động trong năm (tính theo chu kỳ đánh giá chứng nhận của tổ chức đánh giá độc lập).
- Hàng năm, từ đầu năm BQL nhóm sẽ xác định và thông báo số lô rừng, diện tích của lô rừng hoạt động cần giám sát để phân công trách nhiệm giám sát trong năm (**Biểu 01, kèm theo danh sách lô, diện tích giám sát**).
- Lô hoạt động là các lô rừng diễn ra các hoạt động trong năm, bao gồm: Khai thác rừng, trồng rừng, chăm sóc.
- Các lô rừng không hoạt động (không có hoạt động diễn ra, chỉ có hoạt động theo dõi quản lý, bảo vệ với tần suất thấp) sẽ thực hiện kiểm tra, giám sát ít nhất 1 lần/năm thông qua các phương pháp: trao đổi thông tin, điện thoại, ảnh vệ tinh, các kết hợp khác....

4. Phương pháp giám sát

- Kiểm tra hiện trường, quan sát, ghi chép vào biểu giám sát đã thiết kế sẵn cho các nội dung giám sát.
- Thông qua thu nhận, trao đổi thông tin với các bên liên quan;

5. Người thực hiện giám sát

Tổ giám sát chuyên trách của BQL nhóm, thành viên đại diện và thành viên Nhóm sẽ thực hiện giám sát. (**Có quyết định giao nhiệm vụ bằng văn bản**)

6. Các bước thực hiện giám sát

Bước 1: Thành viên nhóm báo cáo cho thành viên đại diện về thời gian cụ thể của các hoạt động/sự việc sẽ diễn ra tại lô rừng FSC do mình sở hữu.

Bước 2: Sau khi có thông tin từ thành viên nhóm, thành viên đại diện sẽ báo cáo cho cán bộ giám sát chuyên trách của BQL Nhóm để thực hiện giám sát lô rừng đã báo cáo.

Bước 3: Tùy theo tính chất mức độ của các hoạt động/sự việc diễn ra trên lô rừng, tổ cán bộ giám sát chuyên trách của Nhóm sẽ quyết định/giao nhiệm vụ cho người thực hiện giám sát lô rừng.

Bước 4: Người được giao nhiệm vụ giám sát (có thể là cán bộ giám sát chuyên trách hoặc thành viên đại diện hoặc thành viên nhóm) thực hiện giám sát theo quy định.

7. Quy định lập biên bản kết quả giám sát và lưu trữ hồ sơ

Kết quả giám sát thường xuyên sẽ được ghi nhận và xử lý như sau:

- Đối với lô rừng hoạt động:

- Lập biên bản/phiếu giám sát và yêu cầu khắc phục đối với các lô rừng có phát hiện các điểm không phù hợp với các quy định của Nhóm trong quá trình giám sát, Hồ sơ giám sát được lưu trữ vào hồ sơ quản lý của Nhóm. **(Biểu 02 đến Biểu 07 đính kèm).**
- Đối với các lô rừng không có phát hiện bất thường/vi phạm quy định của Nhóm trong quá trình giám sát thường xuyên thì không yêu cầu lập biên bản/phiếu giám sát, chỉ ghi chú là đã thực hiện giám sát vào danh sách lô giám sát theo kế hoạch năm đã lập **(Biểu 08).**

- Đối với các lô rừng không hoạt động: Không cần thiết lập biên bản/phiếu giám sát trừ khi các lô rừng có xảy ra các trường hợp/sự vụ đột xuất như cháy rừng, sạt lở do thiên tai, bão đổ, sâu bệnh dịch hại...

8. Tổng hợp kết quả giám sát, khắc phục điểm không phù hợp

Định kỳ 6 tháng một lần, **tổ giám sát** sẽ tổng hợp các kết quả giám sát, các kết quả khắc phục điểm không phù hợp và hồ sơ giám sát các lô rừng của xã mình quản lý; báo cáo cho Trường ban giám sát và Ban quản lý nhóm để theo dõi, phân tích tính hiệu quả giám sát trong quá trình quản lý vận hành hệ thống. **(Biểu 09, biểu 10, biểu 11).**

II. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIÁM SÁT HÀNG NĂM

1. Phân tích, lập báo cáo kết quả giám sát hàng năm

- Trường ban quản lý nhóm sẽ thành lập/giao nhiệm vụ bằng văn bản cho **bộ phận kỹ thuật/hồ sơ FSC** của nhóm để thực hiện phân tích/lập báo cáo kết quả giám sát hàng năm.

- Để phục vụ viết báo cáo, phân tích kết quả giám sát hàng năm, **bộ phận kỹ thuật/hồ sơ FSC** có thể phúc tra các kết quả giám sát của Tổ giám sát nếu cần thiết, kết quả phúc tra được lập theo **Mẫu 12** đính kèm quy trình này.

- **Bộ phận kỹ thuật/hồ sơ FSC thực hiện** phân tích/lập báo cáo kết quả giám sát, hoàn thành Báo cáo giám sát hàng năm theo **Mẫu 13** quy định tại Quy trình này. Thực hiện công khai kết quả giám sát hàng năm theo quy định tại II.2 của Quy trình này.

2. Công khai kết quả giám sát

Báo cáo kết quả giám sát hàng năm được công khai cho:

- Thành viên Ban ban lý Nhóm chứng chỉ rừng FSC;
- Tất cả các thành viên đại diện, thành viên nhóm;
- Trên website của nhóm chứng chỉ rừng FSC
- Các bên quan tâm/liên quan khác và các bên có yêu cầu khác.

III. ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

1. Nội dung đánh giá

Đánh giá chất lượng hệ thống theo quản lý rừng theo tiêu chuẩn Tiêu chuẩn QLR FSC Việt Nam FSC-STD-VN-01-2018 và tiêu chuẩn quản lý nhóm FSC-STD-30-005 V2.1

2. Tần suất đánh giá

Tối thiểu 1 lần/năm, thời điểm đánh giá do BQL nhóm quyết định.

3. Hình thức đánh giá

Nhóm tự tổ chức hoặc thuê chuyên gia/tổ chức độc lập bên ngoài để đánh giá nội bộ. Trường hợp nhóm tự tổ chức đánh giá nội bộ thì **Đoàn đánh giá nội bộ do BQL nhóm ra Quyết định thành lập, giao nhiệm vụ.**

4. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá tài liệu theo tiêu chuẩn FSC (Tiêu chuẩn QLR FSC Việt Nam FSC-STD-VN-01-2018 và tiêu chuẩn quản lý nhóm FSC-STD-30-005 V2.0).

- Kiểm tra hiện trường, bao gồm các khía cạnh:

+ Các khu vực bảo vệ; khu khai thác; trồng rừng; chăm sóc rừng trồng; chỗ ở và sinh hoạt của người lao động; lưu vực sông suối; đường vận xuất, vận chuyển; sử dụng và bảo quản hóa chất, phân bón; các khu rừng có giá trị bảo tồn cao...

+ Trao đổi, phỏng vấn các bên liên quan/ thành viên nhóm

5. Quy định chọn mẫu đánh giá nội bộ

- Đối với lô rừng có hoạt động (active)

$$X = 0,6 * \sqrt{y}$$

- Đối với các lô rừng không có hoạt động (inactive)

$$X = 0,1 * \sqrt{y}$$

Trong đó: X = số lượng mẫu cần đánh giá, y = tổng số ĐVQLR

Lưu ý: Đoàn đánh giá sẽ quyết định số lượng mẫu đi giám sát, đặc biệt là đối với các trường hợp lô rừng có đặc điểm: giáp ranh rừng tự nhiên, lưu vực cung cấp nước, rừng có giá trị văn hóa...

6. Tiêu chuẩn đánh giá

- Tiêu chuẩn quản lý rừng: FSC-STD-VN-01-2018

- Tiêu chuẩn quản lý nhóm FSC-STD-30-005 V2.1

7. Xác định các điểm không phù hợp

a) Một điểm không phù hợp được xem là lớn nếu, xét riêng lẻ hoặc kết hợp với các điểm không phù hợp khác, nó dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến sự thất bại cơ bản trong việc đạt được mục tiêu của yêu cầu liên quan trong phạm vi đánh giá. Những thất bại cơ bản như vậy có thể được biểu hiện qua các điểm không phù hợp:

- Kéo dài trong một khoảng thời gian dài, hoặc

- Mang tính hệ thống, hoặc

- Ảnh hưởng đến phạm vi sản xuất rộng, hoặc

- Ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của hệ thống FSC, hoặc

- Không được khách hàng khắc phục hoặc xử lý đầy đủ sau khi đã được xác định.

b) Một điểm không phù hợp được xem là nhỏ nếu:

- Đó là sự thiếu sót tạm thời, hoặc

- Đó là tình huống bất thường/không mang tính hệ thống, hoặc

- Tác động của điểm không phù hợp bị giới hạn về thời gian và quy mô trong phạm vi tổ chức, và

- Nó không dẫn đến sự thất bại cơ bản trong việc đạt được mục tiêu của yêu cầu liên quan.

8. Báo cáo đánh giá

Kết quả đánh giá nội bộ sẽ được Đoàn đánh giá nội bộ xây dựng và hoàn thành sau 1 tuần kể từ ngày kết thúc đánh giá chính thức, mẫu báo cáo đánh giá nội bộ theo **Mẫu 14** kèm theo Quy trình này.

9. Khắc phục điểm không phù hợp

- Sau khi nhận được báo cáo chính thức của Đoàn đánh giá, BQL Nhóm tiến hành họp cán bộ chủ chốt của đơn vị để phổ biến, đồng thời xây dựng kế hoạch khắc phục những điểm không phù hợp lớn, nhỏ trong báo cáo đã xác định.

- Yêu cầu về thời gian khắc phục điểm không phù hợp:

- + Điểm không phù hợp lớn phải được chỉnh sửa trong thời hạn tối đa 3 tháng, bắt đầu từ ngày thực hiện đánh giá, khi lỗi bị phát hiện;

- + Điểm không phù hợp nhỏ phải được chỉnh sửa trong thời hạn tối đa 12 tháng.

- Bản kế hoạch khắc phục điểm không phù phải đầy đủ chi tiết, bao gồm các mục: những việc làm cụ thể, thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện, kinh phí, vật tư cần thiết.

10. Giám sát khắc phục lỗi

Báo cáo kết quả khắc phục điểm không phù hợp kèm theo các bằng chứng, kết quả khắc phục được QBL nhóm chấp nhận/thông qua.

Biểu 01: KẾ HOẠCH GIÁM SÁT NĂM 2025**NHÓM CCR HUYỆN THANH CHƯƠNG SỐ 2**

Nội dung giám sát	THÁNG TRONG NĂM											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Giám sát các hoạt động của Kế hoạch quản lý rừng; Các tác động và các thay đổi môi trường của hoạt động quản lý; Các tác động xã hội của hoạt động quản lý.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Phân tích, báo cáo và công khai kết quả giám sát			x					x				
3. Đánh giá nội bộ								x				

Người phê duyệt*Ngày tháng năm***Người lập kế hoạch**

Biểu 02: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....	
Loài cây:	Diện tích: (ha):
Địa hình:	Sự hiện diện HLVS, vùng đệm:

Hoạt động	Nội dung	Kết quả kiểm tra
Xử lý thực bì	Thời tiết	
	Hình thức xử lý thực bì	
Trồng rừng	Phương pháp cuộc hố	Thủ công ☐ Bằng máy ☐
	Mật độ trồng	cây/ha
	Nguồn gốc cây giống	
	Giống cây (Mô/hom/hạt)	
	Chất lượng cây giống	
	Có sử dụng phân bón không?	- Chủng loại: - Liệu lượng: kg/hố
	Có trồng xen loài khác không?	
Nhân công lao động	Nguồn lao động (thuê/lao động gia đình/đội công)	
	Có lao động dưới 16 tuổi không?	
	Có sử dụng lao động cưỡng bức không?	
	Công nhân có sử dụng bảo hộ lao động phù hợp không?	
Tác động môi trường	Rò rỉ/tràn đổ dầu máy trên rừng không?	
	Các phương tiện cơ giới có gây nén đất hay gây sạt lở đường không?	
	Có tình trạng xói mòn đất hay không? Mức độ nhiều hay ít?	
	Có rác thải tại hiện trường không?	
	Thực bì, rác đổ vào suối không?	
Tác động xã hội	Lô rừng trồng có đang tranh chấp/lấn chiếm/khiếu nại gì không?	

	Việc trồng rừng có tác động với giá trị văn hóa địa phương (ví dụ: đền thờ, lăng mộ) nào không?	
	Các quyền pháp lý/tập quán của người dân tộc thiểu số và/hoặc cộng đồng địa phương có bị ảnh hưởng không?	
	Có ảnh hưởng cộng đồng địa phương không (Ví dụ: do vận chuyển đi lại)?	
	Có tai nạn lao động nào xảy ra không?	
Các nội dung khác	Có thay đổi nào về quyền sử dụng đất, mua bán, chuyển đổi gần đây không?	
	Ranh giới lô rừng rõ ràng không?	
	Các loài cây ngoại lai có xâm lấn không?	

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát

Biểu 03: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC RỪNG

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:	Năm trồng:
Loài cây:	Diện tích: (ha):
Địa hình:	Sự hiện diện HLVS, vùng đệm:

Hoạt động	Nội dung	Có	Không	Mô tả
Thông tin về sự phát triển của lô rừng	Tình trạng sâu bệnh, dịch hại trên lô rừng?			
	Thiệt hại do thiên tai (bão, hạn hán, lũ lụt, sạt lở...)?			
	Tình trạng xói mòn, rửa trôi, thoái hóa đất?			
	Tình trạng thực bì có cạnh tranh với cây trồng chính?			
	Có sử dụng các loài sinh vật biến đổi gen không?			
	Các loài cây ngoại lai có xâm lấn?			
	Có chăn thả gia súc trong lô không?			
Hoạt động chăm sóc	Lần chăm sóc (lần...)			
	Phát chăm sóc: dùng dao hay máy cắt cỏ?			
	Xới, vun gốc?			
	Sử dụng phân bón?			- Chung loại: - Liều lượng:
	Có sử dụng thuốc BVTV?			
	Có tia cành, tia thưa không?			
Nhân công lao động	Số người tham gia:			Nam: người Nữ: người
	Có người dân tộc thiểu số tham gia không?			 người
	Có sử dụng lao động dưới 16 tuổi không?			
	Có sử dụng lao động cưỡng bức không?			
	Bảo hộ lao động có phù hợp không?			
	Có tai nạn lao động xảy ra không?			

Tác động môi trường	Rác thải trên lô rừng không?			
	Chất lượng nguồn nước có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động chăm sóc?			
	Tác động đến đất (xói mòn, sạt lở)			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát

Biểu 04: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ RỪNG

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....	Năm trồng:
Loài cây:	Diện tích: (ha):
Địa hình:	Sự hiện diện HLVS, vùng đệm:

TT	Nội dung giám sát	Mô tả (tốt/xấu... ghi cụ thể)
1	Lấn, chiếm đất đai (diện tích/mức độ)	
2	Cháy rừng (diện tích, mức độ)	
3	Khai thác trái phép (số lượng, diện tích)	
4	Săn bắt động vật trái phép	
5	Sâu, bệnh hại rừng (tỷ lệ cây bị bệnh/mô tả)	
6	Rừng bị gia súc phá hoại (tỷ lệ, mức độ)	
7	Các loại biến nội quy/biến bảo bảo vệ	
8	Dấu hiệu xói mòn đất (nhiều/ít)	
9	Vùng đệm khe suối bị tác động	
10	Có người vào rừng lấy lâm sản ngoài gỗ (Có/Không; Số lượng)	
11	Loài thực vật ngoại lai xâm hại?	

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát

BIỂU 05: BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRƯỜNG TRƯỚC KHAI THÁC

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....	Diện tích: (ha)
Loài cây:	Năm trồng:
Địa hình:	Sự hiện diện HLVS, vùng đệm m:
SL ước tính (tấn):	

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	Có	Không	Mô tả
Nguy cơ an toàn	Đường dây điện băng qua lô rừng không?			
	Đường giao thông công cộng sát rừng chuẩn bị khai thác không?			
	Lô rừng chuẩn bị khai thác có nằm sát khu vực nhiều người qua lại hoặc sát cộng đồng dân cư hay không?			
	Địa hình phức tạp, nguy hiểm không?			
Các yếu tố tự nhiên, bảo tồn	Có hiện tượng làm tổ/sinh sản của các loài động vật không?			
	Có sự hiện diện của các giống loài hiếm và bị đe dọa trong rừng không?			
	Có sự hiện diện của di tích, mộ phần, địa điểm có ý nghĩa lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng trong rừng không?			
Các nội dung khác	Cơ sở y tế gần nhất			
	Nguồn lao động khai thác từ đâu? Đã được tập huấn ATLĐ chưa?			
	Có xây dựng lán trại không?			
	Ranh giới lô rừng chuẩn bị khai thác có rõ ràng không?			
	Đã đánh dấu khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ không khai thác chưa?			

	Đường vận chuyển có sẵn hay mở mới?			
	Đường vận chuyển băng cắt các nguồn nước/dòng nước không?			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát

Biểu 06: BIỂU GIÁM SÁT HIỆN TRƯỜNG KHAI THÁC
(Trong khai thác)

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....		Diện tích: (ha)
Loài cây:	Năm trồng:	
Địa hình:	Sự hiện diện HLVs, vùng đệm m:	
Đường kính bình quân (cm):	Chiều cao bình quân (m)	SL ước tính (tấn):

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	Có	Không	Mô tả
Nhân công lao động	Có thuê nhà thầu khai thác không?			
	Lao động là người địa phương hay từ nơi khác đến?			
	Có sử dụng lao động trẻ em không?			
	Có sử dụng lao động cưỡng bức không?			
	Có hợp đồng lao động không?			
	Số tiền công trả cho lao động có phù hợp và kịp thời không?			
An toàn vệ sinh lao động	Có sử dụng bảo hộ lao động phù hợp khi làm việc không?			
	Có hộp sơ cấp cứu tại hiện trường không?			
	Công nhân có được tập huấn về ATLĐ và sơ cấp cứu không?			
	Nhân công có thông tin về cơ sở y tế gần nhất/có phương tiện liên lạc và di chuyển không?			
	Vệ sinh lán trại/điều kiện dinh dưỡng /nguồn nước có đảm bảo không?			
	Biển cảnh báo an toàn (với các lô khai thác giáp đường lâm sinh hay nơi đông đúc)?			
	Có tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc không?			
Các tác động môi trường	Có các biện pháp chiết rót/tiếp nạp nhiên liệu/dụng cụ chống			

	trần đổ tránh tác động đến môi trường không?			
	Có rác thải trên lô rừng không?			
	Có xói mòn/sạt lở không?			
	Chất lượng nguồn nước có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động khai thác không?			
	Môi trường sống (tổ) của động vật có bị tàn phá không?			
	Cây bản địa có bị chặt hạ không?			
Tác động xã hội	Lô rừng có đang bị tranh chấp, khai thác trái phép không?			
	Cộng đồng địa phương có bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác không?			
	Các địa điểm có ý nghĩa lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh có bị ảnh hưởng không?			
Các nội dung kiểm tra khác	Có nguy cơ xảy ra cháy rừng không?			
	Có thêm rừng liền kề không tham gia nhóm đang khai thác đồng thời không?			
	Có gây thiệt hại nào nào cho diện tích liền kề đang khai thác đồng thời không?			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát

BIỂU 07: BIỂU GIÁM SÁT HIỆN TRƯỜNG SAU KHAI THÁC

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....		Diện tích: (ha)
Loài cây:	Năm trồng:	
Địa hình:	Sự hiện diện HLVS, vùng đệm m:	

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	Có	Không	Mô tả
Trong khu vực khai thác	Sản lượng khai thác được?			
	Gốc chặt để lại có phù hợp ko?			
	Thực bì/cành nhánh, ngọn có được gom lại theo dải sau khai thác?			
Trên đường vận xuất và vận chuyển	Hiện tượng sạt lở, xói mòn có xảy ra không?			
	Hoạt động khai thác có ảnh hưởng đến các lô rừng khác không?			
	Các nguồn nước có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động vận xuất, vận chuyển không?			
Môi trường	Đai xanh, vùng đệm, hành lang ven sông suối... và các sinh cảnh dễ bị tổn thương khác có được bảo vệ nguyên vẹn không?			
	Dòng sông, suối, khe... có bị tắc nghẽn dòng chảy, ô nhiễm hay không?			
	Có rác thải sau khai thác trên lô rừng không?			
	Có vệ sinh lần trại sau khi rời đi không?			
	Tình trạng xăng dầu, nhớt động cơ bị đổ lên mặt đất không?			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát

Biểu 08: BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ GIÁM SÁT
KHÔNG PHÁT HIỆN ĐIỂM CHƯA TUÂN THỦ
 Xóm, xã, tỉnh Nghệ An

[illegible]

Biểu 09: BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ RỪNG, LỖI KHÔNG TUÂN THỦ

Xóm:, xã:.....

TT	Chủ rừng	Lô	Lỗi phát hiện	Hoạt động	Ngày giám sát	Ngày hoàn thành khắc phục lỗi
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						

Biểu 10:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

V/v: Khắc phục lỗi không tuân thủ theo kết quả giám sát hàng năm

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại

Chúng tôi gồm có:

Đại diện tổ giám sát (bên A)

Ông (bà) : Chức vụ:

Ông (bà) : Chức vụ:

Đại diện hộ thành viên gia đình (chủ rừng) (bên B)

Ông (bà):

Hai bên cùng thống nhất các nội dung sau:

Theo hồ sơ giám sát lô rừng, diện tích ha, ngày/...../20....., của chủ rừng....., cán bộ giám sát phát hiện lỗi không tuân thủ như sau:

.....
.....
.....

Và đã yêu cầu chủ rừng có hành động khắc phục lỗi:

.....

Thời hạn khắc phục :

Đại diện Tổ giám sát kiểm tra hoạt động khắc phục lỗi và ghi nhận

.....
.....

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 11: BIỂU TỔNG HỢP GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG KHẮC PHỤC

Xóm:, xã:.....

Cập nhật ngày:

TT	Chủ rừng	Địa điểm (tên lô)	Lỗi không tuân thủ	Hoạt động khắc phục	Thời gian hoàn thành so với yêu cầu	Kết luận của việc sửa lỗi/Đề xuất

Đánh giá chung:

.....
.....
.....

Đề xuất:

.....
.....
.....

Người tổng hợp

Biểu 12: BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÚC TRA GIÁM SÁT

Cán bộ giám sát:

TT	Chủ rừng	Tên lô	Nội dung kiểm tra	Kết quả giám sát của tổ giám sát/thành viên đại diện		Kết quả giám sát của cán bộ BQL Nhóm		
				Kết quả kiểm tra (lỗi không tuân thủ)	Yêu cầu khắc phục đối với chủ rừng	Kết quả kiểm tra	Yêu cầu hoạt động khắc phục đối với chủ rừng/xóm trưởng	Thời gian hoàn thành
1								
2								
3								
4								
5								

Biểu 13: BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Quý .../202...

Phần 1: Thành phần tham gia phân tích, báo cáo kết quả giám sát gồm:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Phần 2: Các nội dung phân tích, báo cáo kết quả giám sát

I. Kết quả đã thực hiện các hoạt động theo kế hoạch quản lý rừng

1. Khai thác
2. Trồng rừng
3. Chăm sóc
4. Hoạt động khác:

II. Kết quả thực hiện giám sát

1. Số lô, diện tích được giám sát
2. Các điểm chưa tuân thủ
3. Khắc phục các điểm chưa tuân thủ
4. Phân tích, đánh giá chung

III. Phân tích kết quả giám sát

1. Ưu điểm
2. Nhược điểm

IV. Đề xuất các giải pháp cải thiện hệ thống.

Phần 3: Thông qua báo cáo kết quả giám sát.

Mẫu 14: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP GỖ THANH CHUÔNG NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG THANH CHUÔNG 2

....., ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ NĂM 20..... NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG THANH CHUÔNG 2

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

II. HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức đánh giá

2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra, đánh giá tài liệu theo các tiêu chuẩn FSC
- Kiểm tra hiện trường, bao gồm các khía cạnh: Khu vực bảo vệ; tĩa thưa; khai thác; trồng rừng; chăm sóc rừng trồng; chỗ ở và sinh hoạt của người lao động; lưu vực sông suối; đường vận xuất, vận chuyển; sử dụng và bảo quản hóa chất, phân bón; các khu rừng có giá trị bảo tồn cao tiềm năng.
- Trao đổi, phỏng vấn đại diện thành viên nhóm, thành viên đại diện và các bên liên quan khác.

3. Thời gian đánh giá

III. PHẠM VI, ĐẶC ĐIỂM CỦA KHU VỰC ĐÁNH GIÁ

1. Cơ sở pháp lý tổ chức thực hiện

- a) Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương
- b) Văn bản của địa phương

2. Cơ cấu tổ chức của Nhóm chứng chỉ FSC

3. Diện tích rừng của nhóm chứng chỉ

5. Mục tiêu của Kế hoạch quản lý rừng

IV. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ MẪU KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

1. Tiêu chuẩn sử dụng

2. Phương pháp chọn và danh sách ô mẫu được chọn kiểm tra hiện trường

- Phương pháp chọn mẫu:

Đối với các lô đang có hoạt động (active management): $X = 0,6 \times \sqrt{y}$

Đối với các lô không có hoạt động (inactive management): $X = 0,1 \times \sqrt{y}$

Trong đó: X: là số lô mẫu thực hiện đánh giá (Số lô lấy mẫu (X) sẽ được làm tròn đến số nguyên lớn hơn.)

y: là tổng số lô rừng của nhóm

Số lô hoạt động được kiểm tra tối thiểu:

Số lô không hoạt động được kiểm tra tối thiểu:

- Danh sách ô mẫu được chọn:.....

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá theo nguyên tắc và tiêu chí FSC

1.1 Nguyên tắc và tiêu chí FSC Việt Nam:

Nguyên tắc #1: Tuân thủ pháp luật		Kết quả
1.1	Chủ rừng phải có tư cách pháp nhân, có hồ sơ đăng ký pháp lý rõ ràng, còn hiệu lực và được phê duyệt bằng văn bản bởi một cơ quan có thẩm quyền đối với các hoạt động quản lý rừng.	
1.2	Chủ rừng phải chứng minh rằng tình trạng pháp lý của Đơn vị quản lý, bao gồm các quyền quản lý và sử dụng đất, và có ranh giới được xác định rõ ràng.	
1.3	Chủ rừng phải có các quyền hợp pháp để hoạt động trong Đơn vị Quản lý, phù hợp với tình trạng pháp lý của Chủ rừng và của Đơn vị quản lý, và phải tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý theo các luật và quy định hiện hành của Nhà nước và chính quyền địa phương. Các quyền hợp pháp cho phép khai thác sản phẩm và/hoặc cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái từ Đơn vị Quản lý. Chủ rừng phải chi trả các loại thuế và phí theo luật định liên quan đến những quyền và nghĩa vụ đó.	
1.4	Chủ rừng phải xây dựng và thực hiện các biện pháp, và/hoặc phải phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, để bảo vệ Đơn vị Quản lý một cách hệ thống khỏi các hoạt động sử dụng tài nguyên, định cư trái pháp luật, và các hoạt động phi pháp khác.	
1.5	Chủ rừng phải tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành, các công ước quốc tế được phê chuẩn và quy phạm thực thi bắt buộc, liên quan đến việc vận chuyển và thương mại lâm sản cả ở trong và từ Đơn vị Quản lý, và/ hoặc đến điểm bán hàng đầu tiên.	
1.6	Chủ rừng phải xác định, ngăn ngừa và giải quyết những tranh chấp liên quan đến các vấn đề về luật pháp hoặc luật tục, một cách kịp thời có thể giải quyết ngoài tòa án, với sự tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng.	
1.7	Chủ rừng phải công bố công khai một cam kết không đưa hoặc nhận hối lộ bằng tiền hoặc bất kỳ hình thức tham nhũng nào khác và phải tuân thủ pháp luật về phòng chống tham nhũng (nếu có). Trong trường hợp chưa có luật về phòng chống tham nhũng, Chủ rừng phải thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng tương xứng với quy mô và cường độ của các hoạt động quản lý và rủi ro của tham nhũng.	
1.8	Chủ rừng phải chứng minh một cam kết dài hạn tuân thủ các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC trong Đơn vị quản lý và các Chính sách và Tiêu chuẩn FSC liên quan. Một bản tuyên bố cam kết này phải được công khai có sẵn, có thể được tiếp cận tự do.	
Nguyên tắc #2: Các quyền của người lao động và điều kiện làm việc		

2.1	Chủ rừng phải đảm bảo các nguyên tắc và quyền tại nơi làm việc như đã được xác lập trong Tuyên bố ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) dựa trên 8 Công ước cốt lõi về lao động của ILO.	
2.2	Chủ rừng phải thúc đẩy bình đẳng giới trong hoạt động tuyển dụng, các cơ hội đào tạo, trao hợp đồng, các quá trình tham gia vào các hoạt động quản lý.	
2.3	Chủ rừng phải thực hiện các hoạt động về chăm sóc sức khỏe và an toàn nhằm bảo vệ người lao động khỏi các nguy hiểm đối với sức khỏe và an toàn của người lao động. Những hoạt động này phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, phải đáp ứng bằng hoặc vượt những khuyến nghị của Quy tắc thực hành ILO về An toàn và Sức khỏe trong lâm nghiệp.	
2.4	Chủ rừng phải chi trả tiền lương đáp ứng hoặc cao hơn mức lương/ hoặc thỏa thuận lương tối thiểu của ngành lâm nghiệp đã được công nhận, hay bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu theo quy định pháp luật. Nếu không có những quy định như vậy, Chủ rừng phải cùng với người lao động xây dựng những cơ chế để xác định mức tiền lương tối thiểu.	
2.5	Chủ rừng phải chứng minh rằng người lao động được đào tạo và giám sát theo công việc cụ thể để thực hiện một cách an toàn và hiệu quả Kế hoạch Quản lý và tất cả các hoạt động quản lý khác	
2.6	Chủ rừng thông qua sự tham gia của người lao động phải duy trì các cơ chế giải quyết khiếu nại và thực hiện bồi thường công bằng cho người lao động đối với những tổn thất hoặc thiệt hại về tài sản, bệnh hoặc thương tật nghề nghiệp	
Nguyên tắc #3: Các quyền của người bản địa		
3.1	Chủ rừng phải xác định người dân tộc đang sinh sống trong Đơn vị Quản lý hoặc bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý. Sau đó, Chủ rừng thông qua sự tham gia của người dân tộc, phải xác định quyền của họ về quyền hưởng dụng, quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng và các dịch vụ hệ sinh thái, các quyền và nghĩa vụ truyền thống và hợp pháp của họ trong Đơn vị Quản lý. Chủ rừng cũng phải xác định những khu vực nơi mà các quyền này còn đang tranh cãi.	
3.2	Chủ rừng phải công nhận và duy trì các quyền hợp pháp và quyền truyền thống của người dân tộc để duy trì sự kiểm soát đối với các hoạt động quản lý bên trong hoặc liên quan đến Đơn vị Quản lý ở mức độ cần thiết nhằm bảo vệ các quyền, tài nguyên và vùng đất và vùng lãnh thổ của người dân tộc. Việc ủy quyền của người dân tộc cho một bên thứ ba trong việc kiểm soát các hoạt động quản lý đòi hỏi thông qua một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước	
3.3	Trong trường hợp ủy quyền kiểm soát đối với các hoạt động quản lý, một thỏa thuận ràng buộc giữa Chủ rừng và Người dân tộc phải được ký kết thông qua hình thức một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước. Thỏa thuận này phải xác định thời hạn, các quy định về đàm phán lại, gia hạn, chấm dứt, các điều kiện kinh tế và các điều khoản và điều kiện khác. Thỏa thuận phải quy định việc giám sát của người dân	

	dân tộc về sự tuân thủ của Chủ rừng với các điều khoản và điều kiện trong thỏa thuận.	
3.4	Chủ rừng phải công nhận và duy trì các quyền, phong tục và văn hóa của Người dân tộc được xác định trong Tuyên bố của LHQ về Quyền của Người bản địa (2007) và Công ước ILO 169 (1989)	
3.5	Chủ rừng thông qua sự tham gia của người dân tộc phải xác định các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc và nơi mà người dân tộc nắm giữ quyền hợp pháp hoặc quyền truyền thống. Những địa điểm này phải được Chủ rừng và các nhà quản lý công nhận, và/hoặc việc bảo vệ các điểm đó phải được nêu trong thỏa thuận thông qua sự tham gia của người dân tộc.	
3.6	Chủ rừng phải duy trì các quyền của người dân tộc để bảo vệ và sử dụng kiến thức truyền thống của họ, và phải chi trả cho cộng đồng địa phương khi sử dụng kiến thức và sở hữu trí tuệ của họ. Một thỏa thuận ràng buộc như được nêu trong Tiêu chí 3.3 phải được kí kết giữa Chủ rừng và người dân tộc cho phép sử dụng các kiến thức này thông qua hình thức một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước và phải phù hợp với việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ.	
Nguyên tắc #4: Quan hệ cộng đồng		
4.1	Chủ rừng phải xác định các cộng đồng địa phương sống bên trong Đơn vị Quản lý và những cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý. Chủ rừng sau đó, thông qua sự tham gia của những cộng đồng địa phương phải xác định các quyền của họ về quyền hưởng dụng, quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng, các dịch vụ hệ sinh thái, các quyền truyền thống và quyền và nghĩa vụ hợp pháp của cộng đồng địa phương trong Đơn vị quản lý.	
4.2	Chủ rừng phải công nhận và duy trì các quyền hợp pháp và quyền truyền thống của cộng đồng địa phương để duy trì sự kiểm soát đối với các hoạt động quản lý bên trong hoặc liên quan đến Đơn vị Quản lý ở mức độ cần thiết để bảo vệ các quyền, tài nguyên, vùng đất và vùng lãnh thổ của họ. Sự uỷ quyền bởi cộng đồng địa phương cho các bên thứ ba về việc kiểm soát các hoạt động quản lý đòi hỏi thông qua một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước.	
4.3	Chủ rừng phải cung cấp những cơ hội hợp lý về tuyển dụng, đào tạo và các dịch vụ khác cho cộng đồng địa phương, các nhà thầu và các nhà cung cấp địa phương tương xứng với quy mô và cường độ của các hoạt động quản lý của Chủ rừng.	
4.4	Chủ rừng phải thực hiện các hoạt động bổ sung thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, để đóng góp vào sự phát triển xã hội và kinh tế địa phương, tương xứng với quy mô, cường độ và tác động kinh tế - xã hội từ các hoạt động quản lý của Chủ rừng.	
4.5	Thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, Chủ rừng phải có các hoạt động để xác định, tránh và giảm những tác động tiêu cực đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội từ các hoạt động quản lý đến các cộng đồng bị ảnh hưởng. Các hành động đưa ra phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động và các tác động tiêu cực.	

4.6	Thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, Chủ rừng phải có các cơ chế giải quyết khiếu nại và cung cấp bồi thường công bằng cho cộng đồng địa phương và các cá nhân liên quan do những tác động tiêu cực bởi các hoạt động quản lý của Chủ rừng gây ra.	
4.7	Thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, Chủ rừng phải xác định các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hoặc tâm linh đối với cộng đồng địa phương có các quyền hợp pháp hoặc quyền truyền thống. Các địa điểm này phải được công nhận bởi Chủ rừng, và các hoạt động quản lý và/hoặc bảo vệ của chủ rừng phải được đồng ý thông qua hình thức thỏa thuận có sự tham gia của cộng đồng địa phương.	
4.8	Chủ rừng phải duy trì các quyền của cộng đồng địa phương để bảo vệ và sử dụng kiến thức truyền thống của họ và phải bồi thường cho cộng đồng địa phương khi sử dụng kiến thức và sở hữu trí tuệ của họ. Một thỏa thuận ràng buộc như được nêu trong Tiêu chí 3.3 phải được ký kết giữa Chủ rừng và cộng đồng địa phương về việc cho phép sử dụng các kiến thức này thông qua một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước, trước khi sử dụng và phải phù hợp với việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ.	
Nguyên tắc #5: Các lợi ích từ rừng		
5.1	Chủ rừng phải xác định, kiến tạo, hoặc nâng cao sức sản xuất tạo ra những lợi ích và/hoặc những sản phẩm đa dạng, dựa trên các tài nguyên và dịch vụ hệ sinh thái có trong Đơn vị Quản lý để tăng cường và đa dạng hóa kinh tế địa phương tương xứng với quy mô và cường độ của các hoạt động quản lý.	
5.2	Chủ rừng phải khai thác sản phẩm và dịch vụ từ đơn vị quản lý ở mức bằng hoặc thấp hơn mức bền vững để duy trì được sức sản xuất bền vững.	
5.3	Chủ rừng phải chứng tỏ rằng những ngoại ứng tích cực và tiêu cực được đưa vào trong Kế hoạch Quản lý.	
5.4	Chủ rừng phải sử dụng các cơ sở chế biến và dịch vụ địa phương sẵn có nếu đáp ứng các yêu cầu của Chủ rừng, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro. Nếu không sẵn có ở địa phương, Chủ rừng phải có nỗ lực hợp lý để giúp tạo ra những dịch vụ này.	
5.5	Chủ rừng phải chứng tỏ bằng việc lập kế hoạch và dự toán kinh phí tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro, và với cam kết ổn định kinh tế lâu dài.	
Nguyên tắc #6: Các giá trị và tác động môi trường		
6.1	Chủ rừng phải đánh giá các giá trị môi trường trong Đơn vị Quản lý và những giá trị bên ngoài Đơn vị Quản lý có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý. Đánh giá này phải được thực hiện với một quy mô, tần suất và mức độ chi tiết, tương ứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, đủ để ra quyết định về các biện pháp bảo tồn cần thiết, để phát hiện và theo dõi giám sát những tác động tiêu cực có thể có của những hoạt động này.	
6.2	Trước khi bắt đầu các hoạt động có thể gây tác động tại hiện trường, Chủ rừng phải xác	

	định và đánh giá quy mô, cường độ và rủi ro của các tác động từ các hoạt động quản lý đến các giá trị môi trường đã được xác định.	
6.3	Chủ rừng phải xác định và thực hiện các hành động hữu hiệu để ngăn ngừa các tác động tiêu cực của hoạt động quản lý đến các giá trị môi trường và thực hiện giảm thiểu và sửa chữa những tác động tiêu cực đã xảy ra, tương xứng quy mô, cường độ và rủi ro của những tác động này.	
6.4	Chủ rừng phải bảo vệ các loài quý hiếm, các loài bị đe dọa và môi trường sống của chúng trong Đơn vị Quản lý thông qua những vùng bảo tồn, khu bảo vệ, hành lang kết nối và/hoặc (khi cần) có các biện pháp trực tiếp đảm bảo cho sự tồn tại và khả năng sinh tồn của chúng. Những biện pháp này phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý và phù hợp với tình trạng bảo tồn và các yêu cầu sinh thái của các loài quý hiếm và bị đe dọa. Chủ rừng phải tính đến phạm vi địa lý và các yêu cầu sinh thái của các loài quý hiếm và bị đe dọa bên ngoài ranh giới của Đơn vị Quản lý khi xác định các biện pháp tiến hành bên trong Đơn vị Quản lý.	
6.5	Chủ rừng phải xác định và bảo vệ các khu vực mẫu đại diện của các hệ sinh thái bản địa và/hoặc khôi phục chúng trở thành điều kiện gần tự nhiên hơn. Nơi không tồn tại khu vực mẫu đại diện, Chủ rừng phải khôi phục một phần trong Đơn vị Quản lý hướng tới các điều kiện tự nhiên hơn. Kích thước của các khu vực này và các biện pháp đưa ra để bảo vệ và khôi phục phải tương xứng với tình trạng bảo tồn và giá trị của hệ sinh thái ở cấp cảnh quan, và phù hợp quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý.	
6.6	Chủ rừng phải duy trì một cách hiệu quả sự tồn tại liên tục của các loài và các kiểu gen bản địa xuất hiện tự nhiên và ngăn ngừa việc mất đa dạng sinh học, đặc biệt thông qua quản lý sinh cảnh trong Đơn vị Quản lý. Chủ rừng phải chứng tỏ rằng có các biện pháp hữu hiệu để quản lý và kiểm soát săn bắn, câu cá, đặt bẫy và thu hái.	
6.7	Chủ rừng phải bảo vệ hoặc khôi phục các dòng chảy, mặt nước, các khu vực ven sông suối và vùng kết nối của chúng. Chủ rừng phải tránh các tác động tiêu cực đến chất lượng và sản lượng nước, giảm thiểu và khắc phục nếu chúng xảy ra.	
6.8	Chủ rừng phải quản lý cảnh quan trong Đơn vị quản lý để duy trì và/hoặc khôi phục sự đa dạng phân bố của các loài, kích thước, độ tuổi, quy mô không gian và chu kỳ tái sinh thích hợp với các giá trị cảnh quan trong khu vực đó, và để cải thiện khả năng phục hồi về kinh tế và môi trường.	
6.9	Chủ rừng không được chuyển đổi rừng tự nhiên thành rừng trồng, hoặc rừng tự nhiên hay rừng trồng ở nơi trước đây là rừng tự nhiên sang các mục đích sử dụng đất không có rừng khác, trừ trường hợp: a) Ảnh hưởng lên một tỷ lệ diện tích rất nhỏ của Đơn vị quản lý; b) Tạo ra các lợi ích bảo tồn rõ ràng, to lớn, bổ sung, được đảm bảo lâu dài trong Đơn vị quản lý; và c) Không làm thiệt hại hay đe dọa các giá trị bảo tồn cao hay bất kỳ khu vực hoặc nguồn tài nguyên cần thiết để duy trì hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đó.	

6.10	Các đơn vị quản lý có rừng trồng được thiết lập trên diện tích chuyển đổi từ rừng tự nhiên sau tháng 11 năm 1994 sẽ không đủ tiêu chuẩn để được cấp chứng chỉ, ngoại trừ trường hợp: a) Cung cấp bằng chứng rõ ràng và đầy đủ rằng Chủ rừng không chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc chuyển đổi đó; hoặc b) Việc chuyển đổi chỉ ảnh hưởng tới một tỷ lệ rất nhỏ về diện tích của Đơn vị Quản lý và đang tạo ra các lợi ích bảo tồn rõ ràng, đáng kể, bổ sung, an toàn, lâu dài trong Đơn vị Quản lý.	
Nguyên tắc #7: Lập kế hoạch quản lý		
7.1	Chủ rừng phải đặt ra các chính sách (bao gồm tầm nhìn và giá trị) và các mục tiêu quản lý, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý và thân thiện môi trường, lợi ích xã hội và ổn định kinh tế. Một bản tóm tắt về các chính sách và các mục tiêu này của chủ rừng phải được đính kèm vào Kế hoạch Quản lý và công bố công khai.	
7.2	Chủ rừng phải có và thực hiện một Kế hoạch Quản lý cho Đơn vị Quản lý, kế hoạch quản lý nhất quán hoàn toàn với các chính sách và mục tiêu như được đặt ra tuân thủ Tiêu chí 7.1. Kế hoạch Quản lý phải mô tả các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có trong Đơn vị Quản lý và cách thức mà kế hoạch đáp ứng được các yêu cầu cấp chứng chỉ FSC. Kế hoạch Quản lý phải bao gồm lập kế hoạch quản lý rừng và lập kế hoạch quản lý xã hội, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động theo kế hoạch.	
7.3	Kế hoạch Quản lý phải bao gồm các mục tiêu có thể kiểm chứng để có thể đánh giá được việc thực hiện đối với từng mục tiêu quản lý.	
7.4	Chủ rừng phải cập nhật và điều chỉnh định kỳ Kế hoạch Quản lý và các tài liệu quy trình thủ tục dựa trên những kết quả từ giám sát và đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan hoặc thông tin khoa học và kỹ thuật mới, cũng như để phù hợp với các thay đổi của hoàn cảnh kinh tế, xã hội và môi trường.	
7.5	Chủ rừng phải làm một bản tóm tắt của Kế hoạch Quản lý có sẵn công khai miễn phí. Ngoại trừ các loại thông tin bảo mật, các yếu tố khác liên quan của Kế hoạch Quản lý phải có sẵn để cung cấp cho các bên liên quan bị ảnh hưởng theo yêu cầu, và chỉ với mức phí sao in ấn và vận chuyển.	
7.6	Chủ rừng phải căn cứ vào quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, chủ động khuyến khích các bên liên quan bị ảnh hưởng tham gia vào Lập Kế hoạch Quản lý và các quá trình giám sát, và phải khuyến khích các bên liên quan có quan tâm tham gia khi có yêu cầu.	
Nguyên tắc #8: Giám sát và Đánh giá		
8.1	Chủ rừng phải giám sát việc thực hiện Kế hoạch Quản lý của mình, bao gồm các chính sách và mục tiêu quản lý, tiến độ của các hoạt động theo kế hoạch, và kết quả đạt được theo các mục tiêu có thể kiểm chứng.	
8.2	Chủ rừng phải giám sát và đánh giá tác động môi trường và xã hội của các hoạt động được thực hiện trong các Đơn vị quản lý và những thay đổi về môi trường.	
8.3	Chủ rừng phải phân tích các kết quả giám sát đánh giá và cập nhật định kỳ các kết quả này vào việc sửa đổi kế hoạch quản lý.	

8.4	Chủ rừng phải công bố công khai một bảng tóm tắt kết quả giám sát, miễn phí, ngoại trừ các thông tin mật.	
8.5	Chủ rừng phải có và thực hiện một hệ thống theo dõi và truy xuất tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, để chứng tỏ rằng nguồn gốc và khối lượng tỷ lệ tương ứng với sản lượng đầu ra dự kiến cho từng năm, đối với tất cả các sản phẩm có chứng chỉ FSC khai thác từ Đơn vị quản lý được đưa ra thị trường.	
Nguyên tắc #9: Các giá trị bảo tồn cao		
9.1	Chủ rừng thông qua sự tham gia với các bên liên quan bị ảnh hưởng, các bên liên quan có quan tâm và các phương tiện và nguồn thông tin khác, phải đánh giá và báo cáo về sự xuất hiện và tình trạng của các giá trị bảo tồn cao có trong Đơn vị Quản lý, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các tác động của hoạt động quản lý và sự xuất hiện của Các giá trị bảo tồn cao: HCV 1 - Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu. HCV 2 - Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên. HCV 3 - Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp. HCV 4 - Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương. HCV 5 - Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc. HCV 6 - Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.	
9.2	Chủ rừng phải phát triển các chiến lược hữu hiệu để duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đã phát hiện thông qua sự tham gia với các bên liên quan bị ảnh hưởng, các bên liên quan có quan tâm, và các chuyên gia.	
9.3	Chủ rừng phải thực hiện các chiến lược và hoạt động duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đã được xác định. Các chiến lược và hoạt động này phải thực hiện tiếp cận phòng ngừa và tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý.	

9.4	Chủ rừng phải chứng minh rằng thực hiện việc theo dõi định kì để đánh giá những thay đổi về tình trạng của các giá trị bảo tồn cao, và phải điều chỉnh thích ứng chiến lược quản lý của mình nhằm đảm bảo sự bảo vệ hiệu quả các giá trị đó. Việc giám sát phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý và phải có sự tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng và các bên liên quan có quan tâm và các chuyên gia.	
Nguyên tắc #10: Thực hiện các hoạt động quản lý		
10.1	Sau khi khai thác hoặc thực hiện hoạt động theo Kế hoạch Quản lý, Chủ rừng phải nhanh chóng phục hồi độ che phủ thảm thực vật như trạng thái trước khi khai thác hoặc gần với tự nhiên hơn bằng phương pháp tái sinh tự nhiên hoặc tái sinh nhân tạo.	
10.2	Chủ rừng phải sử dụng các loài để tái sinh phù hợp với điều kiện lập địa và với các mục tiêu quản lý. Chủ rừng phải sử dụng các loài và các kiểu gen bản địa để tái sinh, nếu sử dụng các loài khác phải có biện minh rõ ràng và thuyết phục cho việc sử dụng.	
10.3	Chủ rừng chỉ được sử dụng các loài ngoại lai khi có kiến thức và/hoặc kinh nghiệm cho thấy có các biện pháp có thể kiểm soát và loại trừ hiệu được các tác động xâm hại.	
10.4	Chủ rừng không được sử dụng các sinh vật biến đổi gen trong Đơn vị Quản lý.	
10.5	Chủ rừng phải sử dụng các biện pháp lâm sinh phù hợp về mặt sinh thái, phù hợp với đặc điểm của thảm thực vật, loài, điều kiện lập địa và các mục tiêu quản lý.	
10.6	Chủ rừng phải tránh hoặc giảm thiểu việc sử dụng phân hóa học. Chủ rừng phải chứng minh việc sử dụng phân hóa học mang lại lợi ích kinh tế và môi trường hơn so với việc áp dụng các phương thức lâm sinh không yêu cầu sử dụng phân hóa học. Nếu sử dụng phân hóa học phải ngăn ngừa, giảm thiểu và/ hoặc sửa chữa thiệt hại đối với các giá trị môi trường và đất.	
10.7	Chủ rừng phải sử dụng các hệ thống quản lý dịch hại tổng hợp và các phương pháp lâm sinh để tránh hoặc nhằm loại trừ việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học. Chủ rừng không được sử dụng bất kỳ thuốc trừ sâu hóa học nào bị cấm theo quy định của FSC. Khi sử dụng thuốc trừ sâu, Chủ rừng phải ngăn ngừa, giảm thiểu và/ hoặc sửa chữa thiệt hại tới các giá trị môi trường và sức khỏe của con người.	
10.8	Chủ rừng phải giảm thiểu, giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt việc sử dụng các tác nhân kiểm soát sinh học tuân thủ các nghị định thư được khoa học công nhận. Khi sử dụng các tác nhân kiểm soát sinh học, Chủ rừng phải ngăn ngừa, giảm thiểu, và/hoặc sửa chữa thiệt hại tới các giá trị môi trường.	
10.9	Chủ rừng phải đánh giá các rủi ro và thực hiện các hoạt động làm giảm các tác động tiêu cực tiềm năng từ các thiên tai tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro.	
10.10	Chủ rừng phải quản lý việc phát triển cơ sở hạ tầng, các hoạt động giao thông vận tải và lâm sinh để bảo vệ tài nguyên nước và đất, và các ảnh hưởng/ nhiễu loạn và thiệt hại đối với các loài quý hiếm và bị đe dọa, sinh cảnh, các hệ sinh thái, và các giá trị cảnh quan được ngăn ngừa,	

	giảm nhẹ và/hoặc khắc phục.	
10.11	Chủ rừng phải quản lý các hoạt động gần với khai thác và vận xuất gỗ và các lâm sản ngoài gỗ so cho không tổn hại đến các giá trị môi trường, giảm tỷ lệ tổn thất gỗ, và tránh những thiệt hại tới các sản phẩm và dịch vụ khác.	
10.12	Chủ rừng phải xử lý chất thải một cách thích hợp với môi trường.	

1.2 Tiêu chuẩn quản lý nhóm: FSC-STD-30-005 V2.1: Tuân thủ or Không tuân thủ

2. Mô tả các điểm không tuân thủ và yêu cầu khắc phục

Điểm không tuân thủ lớn/nhỏ01	
Tên/mô tả	
Tiêu chuẩn	
Chỉ số	
Tiêu chuẩn yêu cầu	
Mô tả lỗi không tuân thủ	
Thời hạn khắc phục	

VI. KẾT LUẬN

- 1) Điểm mạnh
- 2) Tồn tại, hạn chế
- 3) Yêu cầu khắc phục

....., tháng ... năm 20...
T.M ĐOÀN ĐÁNH GIÁ